VNU Journal of Economics and Business, Vol. 1, No. 1 (2021) 110-117

VNU Journal of Economics and Business

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/EAB

Review Article

Experience of Building World-Class Universities in China and some Questions for Vietnam's Higher Education System

Le Duy Anh*

VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 17 October 2020
Revised 02 March 2021; Accepted 25 June 2021

Abstract: Developing a high quality higher education system with world-class universities is essential for developing countries in catching up and competing with developed countries, especially in the age of the 4.0 industrial revolution in which a knowledge-based economy and a high quality labour force will determine the wealth of a country. This study demonstrates the experience of China - the second largest economy in the world in developing its higher education system and world-class universities. The main issues covered include: historical development of the system, its main characteristics, current achievements and contemporary challenges. Based on this experience, several questions are raised with regard to future development of Vietnam's higher education for education policies makers to consider.

Keywords: Higher education, China, world class univeristies.

*Corresponding author
E-mail address: leduyanh@vnu.edu.vn
https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4440

Kinh nghiệm phát triển hệ thống giáo dục đại học chất lượng cao của Trung Quốc và một số câu hỏi cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam

Lê Duy Anh*

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 17 tháng 10 năm 2020
Chỉnh sửa ngày 02 tháng 3 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2021

Tóm tắt: Xây dựng một hệ thống giáo dục đại học chất lượng cao cùng với các trường đại học đẳng cấp thế giới là một mục tiêu quan trọng của các quốc gia đang phát triển để đuổi kịp và cạnh tranh với các quốc gia phát triển trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, khi mà nền kinh tế tri thức và nguồn lao động chất lượng cao quyết định sự thịnh vượng của một quốc gia. Bài viết trình bày kinh nghiệm của Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới - trong việc xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục đại học của quốc gia này. Các vấn đề được làm rõ bao gồm lịch sử hình thành, các đặc điểm chính, các đột phá và thành tựu gần đây, các vấn đề và thách thức đương đại. Từ kinh nghiệm này, một số câu hỏi mang tính định hướng được đề xuất để các nhà hoạch định chính sách giáo dục Việt Nam cân nhắc trong quá trình phát triển hệ thống giáo dục đại học.

Từ khóa: Giáo dục đại học, Trung Quốc, đại học đẳng cấp thế giới.

1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang mang lại những thay đổi căn bản cho thị trường lao động, đặc biệt là tại các quốc gia đang phát triển. Bản chất của việc làm trong thời đại kinh tế tri thức đã chuyển dịch mạnh mẽ từ nhu cầu sử dụng lao động phổ thông giá rẻ sang lao động chất lượng cao. Vì vậy, việc đào tạo, phát triển, thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố sống còn của tất cả các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Để thực hiện được mục tiêu quan trọng về nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống giáo dục đại học tại mỗi quốc gia phải đóng vai trò chủ đạo. Làm thế nào để phát triển hệ thống giáo dục đại học, đặc biệt là xây dựng thành công các trường đại học chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh với các đại học hàng đầu thế giới trở thành một thách thức của chính phủ tại các quốc gia đang phát triển. Do đó, bài viết này phân tích kinh nghiệm phát triển hệ thống giáo dục đại học chất lượng cao của Trung Quốc - một quốc gia đang phát triển với lượng dân số lớn nhất thế giới, từ đó gợi mở ra một số câu hỏi cho Việt Nam.

2. Tóm lược lịch sử hệ thống giáo dục đại học của Trung Quốc

Hệ thống giáo dục đại học của Trung Quốc có lịch sử phát triển đầy biến động, có thể chia thành 3 giai đoạn: từ năm 1949 đến cách mạng văn hóa năm 1966, trong cách mạng văn hóa 1966-1976 và từ năm 1977 đến nay. Trong giai đoạn đầu tiên, Chính phủ Trung Quốc nắm quyền phân bổ kinh phí và chỉ tiêu người học. Hệ thống giáo dục đại học được tổ chức theo hệ thống của Liên Xô cũ, được coi là một phần của hệ thống kinh tế kế hoạch tập trung. Điều này có nghĩa là các trường đại học tổng hợp bị phân chia ra thành các trường đại học nhỏ hơn, tập trung

*Tác giả liên hệ
Địa chỉ email: leduyanh@vnu.edu.vn
https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4440

vào chuyên môn sâu hoặc trở thành các trường cao đẳng và dạy nghề. Các trường này được thiết kế để đáp ứng trực tiếp nhu cầu của nền kinh tế kế hoạch tập trung cũng như nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các bộ, ban ngành trong Chính phủ [1]. Ngoài ra, nhiệm vụ nghiên cứu được tách khỏi các trường đại học và được giao trực tiếp cho các viện nghiên cứu theo kiểu Liên Xô. Các ngành ứng dụng như kỹ thuật, nông nghiệp, y học, tài chính và kinh tế được ưu tiên hơn các ngành khoa học xã hội và nhân văn [2]. Tuy nhiên, cuộc cách mạng văn hóa là một thảm họa đối với hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc vì nó đã đóng cửa tất cả các trường trung học và đại học. Theo sự chỉ đạo của Mao Trạch Đông, học sinh phổ thông và sinh viên phải tham gia lực lượng Hồng vệ binh. Các giáo sư và lãnh đạo các trường đại học bị bãi miễn chức vụ, nhiều người bị buộc phải di chuyển đến các vùng nông thôn để trở thành nông dân. Rất nhiều giá trị văn hóa của Trung Quốc cùng với nhiều thế hệ học giả đã bị phá hủy trong thời kỳ này [2, 3]. Tuy nhiên, năm 1977 đánh dấu một thời kỳ mới cho nền giáo dục đại học khi kỳ thi đại học được tổ chức trở lại dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình [4]. Sau đó, động lực cải cách hệ thống này đến từ sự thừa nhận của Chính phủ rằng các ảnh hưởng của hệ thống quản trị tập trung đối với các cơ sở giáo dục địa phương là quá mức, ngoài ra việc nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh chóng trong thập niên 1990 đòi hỏi một nguồn lao động tay nghề cao dồi dào và nhu cầu này ngày càng trở nên bức thiết, buộc các nhà hoạch định giáo dục phải cân nhắc thay đổi [5]. Các động lực này đã giúp tăng tốc độ hiện đại hóa cũng như tốc độ tăng trưởng về quy mô của hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc, đồng thời tạo điều kiện cho lĩnh vực tư nhân được tham gia vào thị trường [3]. Kể từ đó, hệ thống giáo dục đại học đã được cải cách để trở thành một hế thống học thuật tạo ra các loại bằng cấp học thuật như phương Tây [2]. Hơn nữa, hệ thống giáo dục đại học đã được mở rộng ra nhiều lĩnh vực, cấp độ, môn học cùng với sự trở lại của các đại học tổng hợp đa chức năng bao gồm giảng dạy, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ cho xã hội [2, 6]. Từ giai đoạn này cho đến nay, cũng giống như các quốc gia đang phát triển khác, có hai xu hướng rõ nét diễn ra trong hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc: (i) Hệ thống giáo dục đại học hướng đến trở thành một hệ thống cho số đông; (ii) Xu hướng tư nhân hóa trong lĩnh vực giáo dục để đáp ứng các nhu cầu về nguồn nhân lực không thể đáp ứng được bởi lĩnh vực công.

3. Đặc điểm của hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc

Thứ nhất, hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc đang chuyển mình trở thành một hệ thống có sự phân biệt theo chức năng. Một hệ thống giáo dục cho số đông hiệu quả có xu hướng được phân loại và phân biệt dựa trên chức năng nhiệm vụ, nguồn tài chính và một số yếu tố khác. Trên thực tế, các trường đại học được đánh giá và phân loại chủ yếu dựa trên hệ thống cấp bậc: các trường đại học tinh hoa, đẳng cấp và định hướng nghiên cứu được đặt trên cùng; sau đó là các trường đại học tổng hợp nằm ở các cấp giữa; cuối cùng là các trường đại học đại trà và các trường nghề nằm ở cấp cuối cùng [1]. Từ thập niên 1970, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu thực hiện việc phi tập trung hóa quá trình đưa ra quyết định trong hệ thống giáo dục đại học và cho phép có nhiều tự chủ hơn ở cấp chính quyền địa phương và các cơ sở giáo dục [7]. Vai trò của chính phủ trung ương đã chuyển từ quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục sang cung cấp các khung phát triển cần thiết cho thị trường và quản lý các cơ sở giáo dục thông qua các quy định pháp luật, cung cấp nguồn tài chính và các tư vấn [8]. Trên thực tế, Trung Quốc đã dừng việc các Bộ được tham gia trực tiếp vào các vấn đề quản lý và tài chính ở các trường đại học, thay vào đó chuyển giao các nhiệm vụ này cho chính quyền các tỉnh và địa phương [1]. Chính quyền trung ương chỉ tham gia quản lý trực tiếp và tập trung hỗ trợ cung cấp nguồn lực cho 150 trường đại học tinh hoa tốp đầu, trong đó có một số trường thậm chí được nhận thêm nhiều nguồn hỗ trợ và sự giúp đỡ hào phóng hơn nữa. Mục đích của Trung Quốc rất rõ ràng, quốc gia này muốn biến 9 đại học hàng đầu, tốp các trường "liên đoàn Ivy của Trung Quốc" trở thành những trường đại học đẳng cấp thế giới càng sớm càng tốt. Các trường còn lại, gồm

1.700 trường cấp thấp hơn, được quản lý và điều hành bởi chính quyền tỉnh và địa phương. Để thực hiện điều này, các chương trình đã chuyển giao từng bước quyền lực và trách nhiệm từ chính quyền trung ương cho địa phương để giúp các chính quyền tỉnh và địa phương làm quen với các nhiệm vụ này [9].

Thứ hai, cách thức quản lý và quản trị nội bộ tại các trường đại học Trung Quốc có những nét đặc thù khác biệt. Trung Quốc duy trì thể chế chính trị một đảng lãnh đạo, kể cả trong các trường đại học. Hệ thống quản trị song song này thông thường bao gồm một lãnh đạo về học thuật và một cấp phó về chính trị được bổ nhiệm bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cấu trúc này đôi khi có thể làm chậm quá trình ra quyết định và tạo ra các xung đột [6]. Vì vậy, việc tự chủ và tự quyết định của bên học thuật bị hạn chế, ví dụ như việc bổ nhiệm các nhân sự cao cấp và các giáo sư vẫn thuộc thẩm quyền của chính quyền trung ương. Mặc dù các cải cách gần đây đã cố gắng giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường đại học và các khoa trực thuộc để họ tự chịu trách nhiệm về chất lượng nghiên cứu và giảng dạy, hướng đến một hệ thống học thuật đại học giống như các nước phương Tây [10], tuy nhiên các cơ sở này vẫn bị kiểm soát bởi rất nhiều thủ tục hành chính và chưa thực sự có quyền tự chủ, tự quyết định.

Thứ ba, cách thức huy động tài chính và nguồn lực cho hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc cũng có những nét riêng biệt. Tương tự các quốc gia đang phát triển khác, hệ thống giáo dục ở quốc gia này phải đối mặt với nhiều thách thức trong phát triển, bao gồm: (i) Việc ghi danh vào đại học được mở rộng một cách nhanh chóng bởi quy mô và số lượng người học; (ii) Chính phủ không có đủ nguồn lực tài trợ cho việc mở rộng hệ thống giáo dục đại học nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; (iii) Xu thế lĩnh vực tư nhân tham gia vào cung cấp dịch vụ trong thị trường giáo dục đại học là không thể đảo ngược; (iv) Xu hướng bắt buộc phụ huynh và sinh viên phải chia sẻ chi phí giáo dục đại học với Nhà nước cũng không thể đảo ngược; (v) Chính phủ cần phải tiếp tục can thiệp, cung cấp các khoản hỗ trợ để giảm bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học của các tầng lớp nhân dân khác nhau [11].

Để giải quyết thách thức về tài chính khi mở rộng hệ thống giáo dục đại học, có hai nguồn có thể cân nhắc: tài trợ từ chính phủ, từ tiền thuế của người dân; và từ lĩnh vực tư nhân như sinh viên và gia đình [12]. Tại Trung Quốc, nguồn vốn của Chính phủ được sử dụng ưu tiên chủ yếu cho hệ thống đại học tinh hoa tập trung vào nghiên cứu, vì vậy họ không thể giảm sự bất bình đẳng ngày càng gia tăng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục đại học [1]. Trung Quốc đầu tư rất lớn vào 150 đại học nghiên cứu đầu tiên theo chương trình 985 và 211, các trường này còn được nhận thêm sự hỗ trợ của chính quyền tỉnh và địa phương, ví dụ như Đại học Thượng Hải. Một xu hướng nữa là việc chia sẻ chi phí đào tạo giữa sinh viên và nhà trường để chi trả cho học phí [1]. Tuy nhiên điều này dấy lên mối lo lắng về bất bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục đại học khi trợ cấp của Chính phủ bị rút đi. Đặc biệt đối với các sinh viên thuộc nhóm nghèo và dễ bị tổn thương, điều này có thể sẽ cản trở sự tiến bộ về bình đẳng và công bằng của hệ thống giáo dục [13]. Mối lo này có thể cần được giải quyết bởi một hệ thống học bổng và vốn vay cho sinh viên hiệu quả hơn [14], tuy nhiên ở Trung Quốc chưa phát triển được một hệ thống hoàn chỉnh trong cung cấp học bổng và vốn vay cho sinh viên đại học.

Để giải quyết nhu cầu gia tăng chưa có tiền lệ về tiếp cận với giáo dục đại học tại Trung Quốc, hệ thống giáo dục tư nhân được thúc đẩy để phát triển nhanh chóng. Hệ thống tư nhân/phi chính phủ (minban) được kết hợp với các trường đại học hạng hai để cung cấp các khóa học cấp bằng và không cấp bằng. Từ năm 1999-2004, số lượng trường phi chính phủ tại Trung Quốc đã tăng từ 37 lên 228 [15]. Hệ thống minban được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của thị trường và thay đổi theo thị trường, rất khác biệt so với hệ thống công [16]. Tuy nhiên Trung Quốc chưa phát triển được một hế thống luật pháp hoàn chỉnh để quản lý hệ thống này trong các điều kiện phức tạp của thị trường [15]. Một số vấn đề nảy sinh như quản lý tài chính không minh bạch, chất lượng đào tạo yếu kém của hệ thống này chưa

được giải quyết triệt để [1]. Toàn cầu hóa còn mang lại một loại hình cơ sở giáo dục mới, khi các trường trong hệ thống phi chính phủ liên doanh với các trường ở nước ngoài để cung cấp các khóa học hỗn hợp. Tuy nhiên, tương lai và chất lượng của loại hình này cần thời gian để đánh giá [1, 16].

Thứ tư, tiêu chuẩn về chất lượng và số lượng của nhân sự học thuật trong hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc còn gặp nhiều thách thức. Lực lượng nhân sự học thuật chất lượng cao (bao gồm nhân sự, giảng viên và các giáo sư) là lực lượng chính quyết định và thúc đẩy sự thành công của hệ giống giáo dục đại học [17]. Để đạt được điều đó, họ cần một môi trường học thuật thân thiện để phát huy tối đa khả năng. Có 4 vấn đề liên quan đến lực lượng nhân sự học thuật này: số lượng, đào tạo và chất lượng nhân sự, tiền lương và chế độ đãi ngộ, cách thu hút và giữ chân nguồn lực này [18]. Sự mở rộng quá nhanh của hệ thống giáo dục đại học tại Trung Quốc đã dẫn đến sự thiếu hụt về số lượng của nhân sự học thuật [1]. Cùng với sự phổ biến hóa cho số đông của giáo dục đại học, chất lượng của nhân sự học thuật trong hệ thống giáo dục đã giảm sút do rào cản trong việc cung cấp đào tạo bậc tiến sĩ cho lực lượng nhân sự giảng dạy. Tỷ lệ nhân sự có bằng tiến sĩ trong hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc năm 2009 chỉ đạt 9% [1]. Ngoài ra, phần lớn giảng viên chỉ tập trung vào giảng dạy các khóa học ở bậc đại học mà không tập trung vào nghiên cứu. Tuy nhiên, tỷ lệ tiến sĩ ở các trường đại học tinh hoa cao hơn và có nhiều sự ưu tiên vào nghiên cứu hơn [19]. Để giải quyết vấn đề này, các trường đại học đã lạm dụng việc thuê chính các sinh viên tốt nghiệp ở trường mình để quay lại làm giảng viên. Hiện tượng này gây ra nhiều vấn đề khi nó cản trở sự sáng tạo và dòng chảy của các ý tưởng mới, làm thui chột khả năng nghiên cứu và hợp tác phát triển trong dài hạn ở các trường đại học [20]. Ngoài ra, mức lương cho nhân lực học thuật ở Trung Quốc cũng rất khiêm tốn so với các quốc gia phát triển hoặc các ngành nghề khác. Số liệu từ một khảo sát cho thấy mức lương của nhân sự học thuật tại Trung Quốc thuộc nhóm thấp nhất thế giới [21]. Kết quả là, việc thu hút các học giả hàng đầu đến Trung Quốc và giữ chân họ trong hệ thống giáo dục đại học trở nên vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, các đại học tinh hoa ở Trung Quốc đã giải quyết bài toán này một cách hiệu quả thông qua việc sử dụng "chính sách lương linh hoạt", cho phép các trường trả mức lương rất cao cho các nhân viên học thuật chủ chốt và cao cấp của họ để tạo sự hấp dẫn và tính cạnh tranh.

4. Con đường xây dựng đại học đẳng cấp thế giới và thành tựu tại Trung Quốc

Trung Quốc đã đạt được những thành công nhất định trong việc xây dựng đại học nghiên cứu đẳng cấp thế giới. Vai trò của các đại học nghiên cứu đẳng cấp thế giới trong quá trình giúp các nước đang phát triển bắt kịp với các quốc gia phát triển, trong nền kinh tế cạnh tranh bằng tri thức của thế kỷ XXI là rất rõ ràng. Các quốc gia đang phát triển cần đầu tư xây dựng các đại học nghiên cứu của mình đạt được các tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng phức tạp của nền kinh tế quốc gia cũng như cạnh tranh với các quốc gia khác. Trung Quốc đã đầu tư khoảng 20 tỷ USD (thời điểm năm 2009 theo cách tính cân bằng sức mua) vào một số chương trình và chiến lược để xây dựng các trường đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế [1]. Đáng chú ý nhất trong đó là chương trình 211 và 985. Chương trình 211 được khởi động vào năm 1993, đặt mục tiêu lựa chọn và nâng cấp 100 cơ sở giáo dục đại học tại Trung Quốc trong các lĩnh vực chủ chốt để chuẩn bị cho sự phát triển của nền kinh tế trong thế kỷ XXI. Dự án 985 được bắt đầu vào năm 1998, với mục tiêu tạo ra 40 đại học nghiên cứu ở Trung Quốc [22]. Dự án 985 nhấn mạnh vào nâng cấp các cở sở nghiên cứu hiện có với nguồn vốn đến từ Chính phủ để chi tiêu vào cơ sở hạ tầng, ký túc xá và các trung tâm nghiên cứu liên ngành. Ưu tiên được đặt vào phát triển các chương trình cử nhân, thuê các giảng viên với bằng cấp và chứng chỉ được quốc tế công nhận và tăng cường công bố khoa học ở các tạp chí danh tiếng [23]. Ngoài ra, các lĩnh vực tinh hoa của hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc cũng được cải cách nhanh chóng và sâu rộng thông qua việc nâng cao hiệu quả của các phòng thí nghiệm hiện có và mới xây, các trung

tâm và cơ sở nghiên cứu, nâng cao hiệu suất học thuật và sự đa dạng của hoạt động nghiên cứu đa ngành [24]. Các chiến lược này đã đạt kết quả rõ rệt, tại thời điểm tháng 9/2020, Trung Quốc có 5 đại học trong top 100 của Bảng xếp hạng đại học theo thời báo *Times*, trong đó Đại học Thanh Hoa ở vị trí số 20, Đại học Bắc Kinh ở vị trí số 23. Đối với bảng xếp hạng QS, Trung Quốc cũng có 6 trường trong top 100 thế giới, với đại học Thanh Hoa và Bắc Kinh lần lượt giữ vị trí 16 và 22. Đây là một thành tích đáng kinh ngạc vì các đại học này chỉ thực sự được tập trung phát triển từ thập niên 1990, thế nhưng hiện nay đã trở thành các đại học nghiên cứu chất lượng quốc tế, là đối thủ của những đại học lâu đời và chất lượng nhất thế giới ở các quốc gia phát triển như Mỹ (liên đoàn Ivy) và Vương quốc Anh (Oxford và Cambridge).

5. Thách thức đương đại của hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc

Thử thách đương đại lớn nhất mà hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc đang gặp phải đó chính là cung cấp đầy đủ sự tiếp cận giáo dục đại học cho nhu cầu ngày càng tăng của người dân với thu nhập ngày càng tăng, cũng như đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của một nền kinh tế tăng trưởng cao [25]. Trung Quốc đã đạt đến giai đoạn giáo dục đại học cho số đông, được định nghĩa bởi Trow (1973) khi tổng tỷ lệ ghi danh (GER) đạt 15% vào năm 2003 [26]. Từ đó đến nay con số này gia tăng liên tục. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học vẫn là một thách thức của hệ thống này, đặc biệt là sự chênh lệch trong tiếp cận giữa thành thị và nông thôn, nam và nữ, giữa các dân tộc thiểu số. Dân số lớn cùng sự đa dạng về địa lý càng làm cho vấn đề này trở nên trầm trọng tại Trung Quốc [1]. Sự khác biệt lớn nhất về chất lượng giáo dục đại học và tỷ lệ tiếp cận là giữa khu vực phía Tây và các khu vực giàu có ở ven biển. Chính phủ Trung Quốc đã cố gắng khắc phục sự bất bình đẳng này thông qua các chương trình vay ưu đãi cho sinh viên nghèo và sinh viên thuộc đối tượng dễ bị tổn thương ở các khu vực phía Tây từ thập niên 1980, tuy nhiên rất khó để loại bỏ hoàn toàn sự bất bình đẳng này [1].

6. Một số câu hỏi cho Việt Nam

Mô hình tổ chức hệ thống giáo dục đại học và các trường đại học trọng điểm tại Việt Nam có nhiều điểm khác biệt với các mô hình trên thế giới [27], tuy nhiên trong phạm vi bài viết này, tác giả không đi sâu vào phân tích các đặc điểm của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, mà trên cơ sở phân tích kinh nghiệm của Trung Quốc để gợi mở các câu hỏi và các cuộc tranh luận để tìm ra hướng đi phù hợp nhất cho Việt Nam. Những thành tựu đáng kể của hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc trong việc xây dựng một hệ thống có sự phân biệt theo chức năng, đáp ứng được nhu cầu số đông của hệ thống giáo dục, xây dựng và phát triển thành công các đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế trong thời gian tương đối ngắn đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước đi sau. Các câu hỏi mà tác giả đề xuất để các nhà quản lý hệ thống giáo dục đại học Việt Nam có thể cân nhắc từ kinh nghiệm của Trung Quốc bao gồm:

Câu hỏi 1: Việt Nam có muốn xây dựng một hệ thống giáo dục đại học có sự khác biệt theo chức năng nhiệm vụ, với các trường đại học tinh hoa tập trung vào nghiên cứu và các trường ở cấp dưới tập trung vào giảng dạy để đáp ứng quyền và nhu cầu tiếp cận giáo dục đại học của số đông cũng như nhu cầu phát triển của nền kinh tế?

Câu hỏi 2: Thực tế ở Trung Quốc cho thấy nếu không có cơ chế đặc biệt về tài chính hỗ trợ nghiên cứu cũng như mục tiêu và chức năng nghiên cứu rõ ràng (như dự án 985), các trường đại học nghiên cứu sẽ không có cơ hội để phát triển, đạt được trình độ và chất lượng quốc tế để cạnh tranh với các trường đại học ở các quốc gia phát triển. Liệu Việt Nam sẽ có mục tiêu và các biện pháp tương tự để hỗ trợ các trường đại học tinh hoa hàng đầu?

Câu hỏi 3: Hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc đã áp dụng quyền tự chủ lớn, đặc biệt là chính sách tiền lương linh hoạt để thu hút và giữ chân các nhân sự học thuật cao cấp và chất lượng

ở lại Trung Quốc. Không có chính sách này thì sẽ không có nguồn nhân lực thực sự chất lượng để hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc cạnh tranh với các trường hàng đầu khác thế giới. Liệu Việt Nam có cân nhắc học tập chính sách này và lộ trình tự chủ sẽ được tiến hành như thế nào?

Tài liệu tham khảo

[1] P.G. Altbach, "The Giants Awake: Higher Education Systems in China and India", *Economic and Political Weekly* 44(23) (2009) 39-51.

[2] O. Kang, "Higher Education Reform in China Today", *Policy Futures in Education* 2(1) (2004) 141-9.

[3] R. Hayhoe, *China's universities, 1895-1995: A century of cultural conflict*, Hongkong, 2004.

[4] R. Ash, Y. Kueh, *The Chinese Economy Under Deng Xiaoping*, Oxford, UK: Clarendon, 1996.

[5] R. Yang, *Third Delight: The Internationalization of Higher Education in China,* London: Routledge, 2002.

[6] W. Min, "Chinese Higher Education: The Legacy of the Past and the Context of the Future". In: Altbach P.G., Umakoshi T. (Editors), *Asian Universities: Historical Perspectives and Contemporary Challenges,* Baltimore: Johns Hopkins University Press, 2004, pp. 53-84.

[7] N. Zhou, "Strengthening the Connection between Education and Economic Development: Major Issues in China's Educational Reform and Suggested Solutions", in Postilglione G. and Lee W.O. (Editors), *Social Change and Educational Development, Mainland China,* Taiwan, and Hongkong, Centre for Asian Studies, University of Hong Kong, Hong Kong, 1995.

[8] K.H. Mok, "Policy of Decentralization and Changing Governance of Higher Education in Post-Mao China", *Public Adm Dev*. 22(3) (2002) 261-73.

[9] D. Chapman, A. Austin (editors), "Chinese Higher Education at the Turn of the Century: Expansion, Consolidation, and the Globalization", In: *Higher Education in the Developing World: Changing Contexts and Institutional Responses,* Westport: Greenwood Press, 2002, pp. 149-66.

[10] Y. Sharma, "China: More Uutonomy for Universities", 04 April 2010, University World News.

[11] B. Sanyal, M. Martin, "Financing Higher Education: International Perspectives", GUNI Series on the Social Commitment of Universities Higher Education in the World: The Financing of Universities, Palgrave Macmillan US, 2006.

[12] P. Garwal, *Indian Higher Education: Envisioning the Future*, New Delhi: Sage, 2009.

[13] H. Wang, J. Xie, H. Li, "Water Pricing with Household Surveys: A Study of Acceptability and Willingness to Pay in Chongqing, China", *China Econ Rev* [Internet]. 21(1) (2010) 136-49.

[14] D. Johnstone, A. Arora, W. Experton, *The Financing and Management of Higher Education: A Status Report on Worldwide Reforms,* Washington DC, 1998.

[15] K.H. Mok, "The Growing Importance of the Privateness in Education: Challenges for Higher Education Governance in China", *Compare: A Journal of Comparative and International Education*, 39 (2009) 1, 35-49.

[16] F. Yan, X. Lin, *Minban Education in China: Background and current situation*, 2004.

[17] L. William, *The Academic Profession: changing roles, terms and definitions Other How to cite*, London, 2007.

[18] P.G. Altbach, "The Private Higher Education Revolution: An Introduction", In: Altbach P.G., Levy D.C. (Editors), *Private Higher Education: A Global Revolution*, Rotterdam, the Netherlands: Sense Publishers, 2005, pp. 1-13.

[19] Xiangming Chen, "The academic profession in China", In: P.G. Altbach (editor), *The Decline of the Guru: The Academic Profession in Developing and Middle-Income Countries*, New York, NY: Palgrave-Macmillan, 2003, pp. 107-134.

[20] N. Jayaram, "The Fall of the Guru: The Decline of the Academic Profession in India", In: Altbach P.G. (Editor), *The Decline of the Guru: The Academic Profession in Developing and Middle-Income Countries*, New York: Palgrave Macmillan US, 2003, pp. 199-230.

[21] L. Rumbley, I. Pacheco, P.G. Altbach, *International comparision of academic salaries: An exploratory Study*, Boston, MA: Boston college, Center for International Education, 2008.

[22] N.C. Liu, "Research Universities in China: Differentiation, Classification, and Future World-Class Status", In: P.G. Altbach, J. Balán (Editors), *World Class Worldwide: Transforming Research Universities in Asia and Latin America*, Baltimore: Johns Hopkins University Press, 2007, pp. 54-69.

[23] W. Ma, "The Flagship University and China's Economic Reform", In: Altbach PG, Balán J, editors, *World Class Worldwide: Transforming Research Universities in Asia and Latin America*,

Bal: Johns Hopkins University Press, 2007, pp. 31-53.

[24] K.H. Mok, Y. Chan, "International Benchmarking with the Best Universities: Policy and Practice in Mainland China and Taiwan", *Higher Education Policy* 21(4) (2008) 469-86.

[25] P.G. Altbach, T. Umakoshi, *Asian Universities Historical Perspectives and Contemporary Challenges,* Baltimore and London: The Johns Hopkins University Press, 2004.

[26] M. Trow, *Problems in the Transition from Elite to Mass Higher Education, Carnegie Commission on Higher Education*, California: McGraw-Hill; 1973.

[27] Lam Quang Thiep, "Vietnamese University Model is not the Same", Vietnam Education Newspaper, 04/06/2019, https://cvdvn.net/2019/10/22/mo-hinh-dai-hoc-trong-dai-hoc-cua-viet-nam-chang-giong-ai/, accessed 1 September 2020 (in Vietnamese).